

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - THÀNH PHỐ H

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu H.

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Thế C.
2/ Ông Nguyễn Hữu Đ.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:

Ông Thịnh Quang T - Cán bộ Toà án nhân dân Huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Việt H – Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 408/2018/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2018/QĐXX ngày 10/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Đỗ Thị Y**, sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã C, huyện Đ, Thành phố H; Nơi ở hiện nay: xã T, huyện Đ, Thành phố H; Nghề nghiệp: Buôn bán.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1991; Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: xã C, huyện Đ, Thành phố H; Nghề nghiệp: Thợ xây.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2018, các lời khai bổ sung tại các buổi đối chất, hòa giải, chị Đỗ Thị Y - nguyên đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn ngày 24/7/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, Thành phố H. Trước khi cưới có tự do tìm hiểu và không bị ép buộc hay gò ép gì cả. Cưới xong vợ chồng ở chung với

nhà anh Đ được một tháng thì ra ở riêng tại nhà của ông Hoàng Đức T (là bác ruột chị Y) ở thôn L, xã L, huyện Đ, Thành phố H để làm ăn. Lý do vì anh Đ làm thợ ở trong thôn L, còn chị thì đi chợ bán hàng. Quá trình chung sống vợ chồng hay có nhiều mâu thuẫn cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách nên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tối ngày 24/6/2018 vì trước đó vợ chồng chị có xảy ra cãi nhau vặt nên đến tối hôm đó anh Đ đi chơi về bảo chị dọn cơm ra để ăn nhưng chị không dọn và chị bảo chỉ phục vụ người đi làm chứ không phục vụ người đi chơi nên chồng chị giận chị và bảo “Mấy năm sống ở quê ngoại khổ quá” và anh Đ mang con về nhà nội ở Thôn C, xã C, huyện Đ, Thành phố H ở từ đó cho đến nay. Từ sau khi sự việc xảy ra thì vợ chồng có ngồi lại nói chuyện với nhau và chị có bảo anh Đ là chị vụng về không khéo chiều chồng nên giải thoát cho nhau thì anh Đ có nói là “năm lần bảy lượt đòi ly dị, cô mang đơn về đây tôi ký cho”. Sau đó chị có mang đơn về thì anh Đ bảo chị ly hôn thì cứ ly hôn, còn anh Đ không ly hôn. Sau đó chị nộp đơn lên Tòa án. Sự việc của vợ chồng chị thì hai gia đình đã gặp nói chuyện và khuyên chị về đoàn tụ. Mẹ chị và mẹ chồng chị đều khuyên ngăn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị không nghe vì chị cảm thấy vợ chồng không thể hàn gắn được, chị xác định chị không thể chung sống với anh Đ được nữa. Nay quan điểm của chị xác định chị không còn tình cảm với anh Đ, nên chị xin ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/7/2013. Hiện nay cháu đang ở với anh Đ từ khi anh Đ mang con đi về nhà ông bà nội ở Thôn C, xã C, huyện Đ, Thành phố H. Chị vẫn xuống thăm con thường xuyên nhưng Đ không cho chị thăm con, chị mang quà đến cho con thì anh Đ không nhận mà mang trả lại chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện nay chị đi chợ buôn bán hàng tạp hóa. Thu nhập bình quân khoảng 6.000.000đ/tháng. Nếu anh Đ được quyền nuôi con thì chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nhà đất chung: nếu vợ chồng ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 18/7/2018, biên bản lấy lời khai ngày 37/7/2018, các lời khai bổ sung tại các buổi đối chất, hòa giải, anh Nguyễn Văn Đ – bị đơn trình bày:**

- Về tình cảm: Anh kết hôn với chị Đỗ Thị Y ngày 11/6/2012 (âm lịch) có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, Thành phố H. Trước khi cưới có tự do tìm hiểu và không bị ép buộc hay gò ép gì cả. Cưới xong vợ chồng ở riêng tại nhà của ông Hoàng Đức T (là bác vợ anh) ở thôn L, xã L, huyện Đ, Thành phố H. Lý do vì anh làm thợ ở trong thôn L, con vợ anh thì đi chợ bán hàng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng cuối tháng 4/2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, tối hôm đó anh có đến nhà ông chủ thầu xây dựng uống bia

về và hơn nữa do hôm đó anh nghỉ làm nên chị Y nói thì anh có phản ứng lại thì vợ anh chấp vặt lời nói của anh. Chứ anh chưa bao giờ đánh, chửi chị Y. Sau đó anh đã mang con về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn C, xã C, huyện Đ, Thành phố H ở từ đó cho đến nay. Và ngay sau sáng hôm sau chị Y đòi ly hôn anh luôn. Từ khi anh về nhà bố mẹ đẻ anh đã nhiều lần ngồi nói chuyện với chị Y để khuyên ngăn chị Y quay về vì con nhưng chị Y nhất quyết không về mà đòi ly hôn anh. Từ khi anh mang con về nhà nội chị Y đã nhiều lần xuống thăm con và có ý định đón con nhưng anh không cho vì anh không muốn để cho chị Y nuôi. Lý do anh nói chị Y mang đơn về đây anh ký là do lúc đó anh giận nên nói như vậy chứ thật lòng anh không muốn ly hôn chị Y. Hai bên gia đình đã nói chuyện với nhau qua điện thoại về việc của vợ chồng anh nhưng không có kết quả. Nay anh không có giải pháp nào để khuyên chị Y về vợ chồng đoàn tụ vì anh đã áp dụng mọi biện pháp. Còn chị Y vẫn kiên quyết không về và muốn ly hôn với anh. Đến nay anh không còn giải pháp nào để níu kéo vợ chồng về đoàn tụ. Nay quan điểm của anh không đồng ý ly hôn chị Y. Còn nếu chị Y kiên quyết xin ly anh thì anh cũng chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/7/2013. Hiện nay cháu đang ở với anh tại nhà ông bà nội. Hiện nay anh đang làm nhà trên đất của bố mẹ cho anh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh. Đúng là anh không cho chị Y gặp con và không nhận quà của chị Y cho con là vì anh muốn níu kéo chị Y về vợ chồng đoàn tụ cho con có bố có mẹ và hơn nữa vợ chồng không mâu thuẫn gì lớn. Hiện nay anh đang làm thợ xây, công việc ổn định vì anh đang chủ động nhận công trình. Thu nhập bình quân khoảng 13.000.000đ/tháng. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Trong trường hợp anh không được nuôi con thì sẽ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Y theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, nhà đất chung: Nếu vợ chồng ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị Đỗ Thị Y trình bày: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Nguyễn Văn Đ vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng; Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/7/2013. Từ khi anh Đ mang con về sống tại nhà bố mẹ đẻ cho đến nay cháu T vẫn sống cùng anh Đ tại Thôn C, xã C, huyện Đ, Thành phố H. Chị vẫn thường xuyên xuống thăm con nhưng anh Đ không cho chị thăm con, chị mang quà đến cho con thì anh Đ không nhận và mang trả lại chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đi chợ buôn bán hàng tạp hóa, thu nhập bình quân khoảng 6.000.000đ/1 tháng; Trong trường hợp chị được nuôi con, anh Đ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng chị cũng đồng ý vì đây là tình cảm của

anh Đ đối với con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Đ trình bày: Chị Y kiên quyết xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý ly hôn chị Y; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị Y trình bày. Hiện nay cháu đang ở với anh tại nhà ông bà nội. Hiện nay anh đang làm thợ xây, công việc ổn định vì anh đang chủ động nhận công trình. Thu nhập bình quân khoảng 400.000đ/1 ngày. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp anh không được nuôi con thì sẽ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Y là 1.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy chị Đỗ Thị Y và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không phù hợp nhau về tính cách và lối sống, anh Đ sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Chị Y xin ly hôn, anh Đ cũng đồng ý. Việc anh chị thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, nên đề nghị chấp nhận.

Về con chung : Anh chị có 01 con chung, chị Y và anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi con, chị Y không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, anh Đ đề nghị cấp dưỡng nuôi con đối với chị Y là 1.000.000 đồng/tháng, chị Y đồng ý. Xét cả chị Y và anh Đ đều có đủ điều kiện để nuôi con, tuy nhiên con chung của anh chị là con gái nên cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ hơn, do vậy nên đề nghị giao con cho chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng của anh Đ.

Về tài sản chung, nợ chung, nhà đất chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Chị Đỗ Thị Y và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn ngày 24/7/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, Thành phố H. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị Y có đơn xin ly hôn với anh Đ,

căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[2] Về nội dung:

[3.1] Về tình cảm: Chị Đỗ Thị Y và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị Đỗ Thị Y và anh Nguyễn Văn Đ chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống vợ chồng cũng hay cãi nhau do không hợp nhau về tính cách và lối sống, tuy nhiên cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt gia đình. Từ những mâu thuẫn nhỏ đã tích tụ thành những mâu thuẫn lớn và trầm trọng nhất là vào khoảng tháng 6/2018, vợ chồng anh chị đã cãi nhau và anh Đ đã đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại Thôn C, xã C, huyện Đ, Thành phố H, anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn và chị xin được ly hôn với anh Đ.

Anh Đ cũng xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng từ cuối tháng 4/2018 (âm lịch), nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, chấp nhậ nhau về lời nói và anh đã mang con bỏ về nhà bố mẹ đẻ anh ở Thôn C, xã C, huyện Đ, Thành phố H ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Về phía anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Y, việc anh đã không cho chị Y thăm con nhằm mục đích là để chị Y quay về đoàn tụ, nhưng chị Y vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh, nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, chị Y và anh Đ kết hôn ngày 24/7/2012, thời gian chung sống chưa nhiều, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tuy không lớn, nhưng điều đó thể hiện giữa hai vợ chồng có sự bất đồng về tính cách, quan điểm và lối sống, không thông cảm và chia sẻ cho nhau, vì vậy nên mâu thuẫn càng ngày càng căng thẳng. Khi mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm anh Đ đã đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và ngăn cản không cho chị Y thăm con, theo anh Đ mục đích anh không cho chị Y thăm con là để chị Y phải quay về đoàn tụ vợ chồng. Anh Đ muốn vợ chồng đoàn tụ, đã nhiều lần gặp chị Y để thuyết phục chị Y quay về đoàn tụ nhưng chị Y không đồng ý và vẫn kiên quyết xin ly hôn. Việc anh Đ đến gặp chị Y chỉ thuyết phục chưa phải là biện pháp thiết thực cũng như việc anh Đ ngăn cản không cho chị Y thăm con không thể cải thiện được quan hệ vợ chồng mà chỉ làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng căng thẳng hơn. Bản thân anh Đ xác nhận không còn giải pháp nào níu kéo để vợ chồng đoàn tụ, nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị Y.

Về phía hai bên gia đình chị Y và anh Đ cũng đều xác nhận việc anh chị có mâu thuẫn và anh Đ đã đưa con bỏ về sống tại nhà bố mẹ đẻ từ tháng 6/2018 cho đến nay. Hai bên gia đình cũng đã giải thích, khuyên bảo anh chị nhiều nhưng không có kết quả. Nay anh chị đã trưởng thành và phải tự chịu trách nhiệm cũng như tự quyết định cuộc sống gia đình của mình.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Y và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được,

chị Y xin ly hôn, anh Đ cũng đồng ý. Vì vậy việc chị Y, anh Đ thuận tình ly hôn là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng anh Đ, chị Y có 01 con chung là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/7/2013. Hiện đang nay cháu có sức khỏe bình thường và đang ở với anh Đ tại Thôn C, xã C, huyện Đ, Thành phố H.

Xét về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung: Chị Y hiện nay đang đi chợ buôn bán hàng tạp hóa, thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/tháng và hiện đang ở tại nhà bố mẹ đẻ chị Y tại thôn H, xã T, huyện Đ, Thành phố H. Bà Nguyễn Thị L (vợ ông Hoàng Đức T) là bác chị Y xác nhận đã cho anh Đ, chị Y ở nhờ nhà của bà tại thôn L, xã L, huyện Đ, Thành phố H từ sau khi cưới cho đến nay, và vì nhà bà không có nhu cầu sử dụng nên sau khi chị Y ly hôn bà vẫn tiếp tục cho chị Y ở lâu dài tại nhà này. Anh Đ hiện nay làm thợ xây tự do, thu nhập bình quân 12.000.000 đồng/tháng và hiện nay cũng đang ở cùng bố mẹ anh Đ tại Thôn C, xã C, huyện Đ, Thành phố H. Xét về mức thu nhập của chị Y và anh Đ đều đủ điều kiện để nuôi con, anh chị cũng đều có chỗ ở ổn định. Tuy nhiên từ khi anh Đ, chị Y sống ly thân, anh Đ mang con về sống cùng bố mẹ đã ngăn cản không cho chị Y thăm con, cháu Nguyễn Bảo T hiện nay 5 tuổi và là con gái nên rất cần có sự chăm sóc dạy dỗ của người mẹ. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống cho cháu Nguyễn Bảo T cũng như bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Nguyễn Bảo T cho chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có đủ căn cứ và phù hợp qui định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng. Xét việc anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là hoàn toàn tự nguyện, không trái qui định của pháp luật, chị Y cũng đồng ý, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung, nhà đất chung, công sức chung: Chị Y, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điều 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Đỗ Thị Y và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Xác nhận chị Đỗ Thị Y và anh Nguyễn Văn Đ có 01 con chung là Nguyễn Bảo T, sinh ngày 06/7/2013.

Giao 01 con chung Nguyễn Bảo T cho chị Đỗ Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Đ là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 9/2018 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, nhà đất chung, công sức chung: Chị Y, anh Đ không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Y phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số AA/2016/0001651 ngày 18/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Như vậy chị Y đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đ phải chịu tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

5. Chị Đỗ Thị Y và anh Nguyễn Văn Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKS Đ
- THA Đ.
- TAND thành phố H
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu H

